

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

---

**Tháng 8 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 25

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hồng Thái	Chủ tịch
Ông Hoàng Quách Việt	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 06/06/2017)
Bà Trần Thị Quỳnh Yên	Thành viên HĐQT
Ông Trần Duy Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Trình Văn Nhất	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Nghiệp	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 10/06/2017)

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trình Văn Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Khương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12/04/2017)
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Lê Hồng Thái**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Quy Nhơn, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Số: 279 /VACO/BCSX.NV2

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/08/2017, từ trang 03 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ").

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 số 40/2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI đề ngày 11/03/2017 và Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 số 139/2016/BCKSX/BCTC/CPAHANOI đề ngày 12/08/2016 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>375.415.468.926</b>	<b>292.553.400.186</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>143.928.879.077</b>	<b>102.121.165.445</b>
1. Tiền	111		13.928.879.077	15.121.165.445
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	87.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>103.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	103.000.000.000	100.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.423.451.564</b>	<b>83.567.764.641</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	115.713.816.517	82.897.087.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.181.274.973	3.864.273.760
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.587.783.408	1.047.697.125
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.059.423.334)	(4.241.293.518)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>8.097.110.821</b>	<b>6.436.810.853</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.097.110.821	6.436.810.853
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>966.027.464</b>	<b>427.659.247</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	966.027.464	427.659.247
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>243.145.844.105</b>	<b>261.447.513.020</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.700.000</b>	<b>168.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		42.700.000	168.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>204.294.971.450</b>	<b>224.527.925.842</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	202.487.878.692	222.267.847.409
- Nguyên giá	222		911.822.756.635	901.057.975.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(709.334.877.943)	(678.790.127.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.807.092.758	2.260.078.433
- Nguyên giá	228		5.743.062.311	5.743.062.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.935.969.553)	(3.482.983.878)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.328.951.819</b>	<b>1.157.616.364</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.328.951.819	1.157.616.364
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>27.075.920.000</b>	<b>27.075.920.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.608.000.000	7.608.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.467.920.000	19.467.920.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.403.300.836</b>	<b>8.518.050.814</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.403.300.836	8.518.050.814
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>618.561.313.031</b>	<b>554.000.913.206</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>117.886.417.068</b>	<b>48.422.504.150</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>117.886.417.068</b>	<b>48.422.504.150</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.788.083.848	10.004.490.897
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.073.616.759	2.686.127.308
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	9.740.516.022	6.149.094.162
4. Phải trả người lao động	314		13.238.409.302	15.195.322.225
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	25.934.514.970	11.257.141.830
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	43.516.844.098	702.733.601
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.594.432.069	2.427.594.127
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>500.674.895.963</b>	<b>505.578.409.056</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>500.674.895.963</b>	<b>505.578.409.056</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		53.234.994.214	4.525.265.662
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.340.401.749	96.953.643.394
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		-	30.430.477.255
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.340.401.749	66.523.166.139
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>618.561.313.031</b>	<b>554.000.913.206</b>



Lê Hồng Thái  
Tổng Giám đốc  
TP. Quy Nhơn, ngày 14 tháng 08 năm 2017

*Nguyễn Kim Toàn*

Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Phương Anh*

Nguyễn Thị Phương Anh  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	301.713.445.842	236.615.968.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		122.131.442	832.000.309
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	301.591.314.400	235.783.968.537
4. Giá vốn hàng bán	11	24	223.189.787.163	171.913.905.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		78.401.527.237	63.870.063.158
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.756.701.518	4.476.585.685
7. Chi phí tài chính	22	27	255.233.693	150.808.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	7.411.930.907	6.788.197.741
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	22.574.200.162	25.572.933.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		52.916.863.993	35.834.708.866
11. Thu nhập khác	31		731.718.269	2.974.183.339
12. Chi phí khác	32		103.132.843	1.006.316.344
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		628.585.426	1.967.866.995
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.545.449.419	37.802.575.861
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	10.205.047.670	6.943.083.851
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.340.401.749	30.859.492.010
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.073	764



Lê Hồng Thái  
Tổng Giám đốc  
TP. Quy Nhơn, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Anh  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.545.449.419	37.802.575.861
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	31.109.917.400	32.114.152.456
- Các khoản dự phòng	03	(181.870.184)	1.204.052.693
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(214.629.362)	71.695.000
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.159.361.985)	(5.093.569.456)
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.099.505.288	66.098.906.554
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(35.446.068.885)	685.224.206
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(1.660.299.968)	(504.283.018)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	19.860.492.357	27.656.285.889
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.576.381.761	(11.504.731.087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.680.259.951)	(7.365.277.714)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.161.710.000)	(1.096.410.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>54.588.040.602</b>	<b>73.969.714.730</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.161.095.469)	(47.164.521.990)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	134.545.455	1.258.138.202
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(45.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	13.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.249.795.044	3.695.047.606
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.776.754.970)</b>	<b>(74.211.336.182)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	5.962.907.780
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.572.000)	(36.153.165.690)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.572.000)</b>	<b>(30.190.257.910)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>41.807.713.632</b>	<b>(30.431.879.362)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	102.121.165.445	52.653.478.625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(71.695.000)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>143.928.879.077</b>	<b>22.149.904.263</b>



Lê Hồng Thái  
Tổng Giám đốc  
TP. Quy Nhơn, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Kim Toàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Anh  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn có 100% vốn nhà nước cấp theo Quyết định số 804/QĐ-HDQT ngày 31/10/2009 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 404.099.500.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 854 người (tại ngày 31/12/2016 là 857 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Các đơn vị thành viên trực thuộc**

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1.	Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
2.	Xí Nghiệp Kinh doanh Dịch Vụ Tổng Hợp - Chi Nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
3.	Xí Nghiệp sửa chữa Cơ Khí - Chi Nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải: Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn: Cùng Ban điều hành;
- Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long: Cùng Ban điều hành;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành: Công ty mẹ;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 12
Thiết bị quản lý	04 - 15
	03 - 08

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa cầu cảng, văn phòng; giá trị các loại công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	442.286.132	611.138.890
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.486.592.945	14.510.026.555
Các khoản tương đương tiền (i)	130.000.000.000	87.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>143.928.879.077</u></b>	<b><u>102.121.165.445</u></b>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 5,2%.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.000.000.000	-
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Việt Xuân Mới (ii)	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>103.000.000.000</u></b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 05 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 5,2%.
- (ii) Khoản ủy thác quản lý danh mục đầu tư qua Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thăng Long thực hiện theo hợp đồng số 122016/HĐ.UTQLDMĐT/TLC-QNHON ngày 30/11/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/05/2017 đầu tư mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty Cổ phần Việt Xuân Mới với cam kết lãi suất là 8%. Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường của cổ phiếu ưu đãi cổ tức này tại ngày 30/06/2017 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b><u>115.713.816.517</u></b>	<b><u>82.897.087.274</u></b>
Công ty TNHH MAERSK Việt Nam	5.024.037.528	7.703.820.522
Công ty TNHH MSC Việt Nam	4.005.091.398	3.237.033.695
Các khoản phải thu khách hàng khác	106.684.687.591	71.956.233.057
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b><u>125.724.372</u></b>	<b><u>192.166.846</u></b>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	75.764.372	47.211.386
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	49.960.000	144.955.460

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>6.181.274.973</b>	<b>3.864.273.760</b>
Công ty TNHH Chế tạo Máy hút Thổi Liệu Tây Đô	1.544.000.000	-
Công ty Cổ Phần UNICO VINA	1.249.811.860	713.577.260
Công ty TNHH Cơ khí Hợp Lực	648.320.500	-
Công ty CP Quản lý Sửa chữa Đường bộ Quy Nhơn	529.103.700	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.210.038.913	3.150.696.500
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**9. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị</u>
	VND	có thể thu hồi VND	VND	có thể thu hồi VND
<b>a) Nợ xấu Văn phòng Công ty</b>	<b>11.660.421.001</b>	<b>8.719.574.613</b>	<b>18.301.360.436</b>	<b>15.059.459.112</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thịnh Phát Kon Tum	343.252.472	-	343.252.472	67.552.086
Công ty Cổ phần Vận tải Biển và	324.726.655	-	324.726.655	22.320.111
Công ty Cổ phần Sản xuất Sô đa Chu	452.000.000	135.600.000	452.000.000	226.000.000
Công ty TNHH MAERSK Việt Nam	5.024.037.528	4.735.173.536	7.703.820.522	7.663.888.790
Công ty TNHH Duy Tuấn	2.471.203.774	2.177.928.716	5.077.583.526	3.783.270.262
Các đối tượng khác	3.045.200.572	1.670.872.361	4.399.977.261	3.296.427.864
<b>b) Nợ xấu tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ</b>	<b>15.583.085.784</b>	<b>14.464.508.838</b>	<b>4.758.269.040</b>	<b>3.758.876.846</b>
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Xanh	255.916.793	-	255.916.793	-
Công ty TNHH Phước Mỹ	214.078.076	-	214.078.076	-
Đội Vận Tải	3.583.716.633	3.425.377.178	2.741.359.660	2.582.208.636
Các đối tượng khác	11.529.374.282	11.039.131.660	1.546.914.511	1.176.668.210
<b>Cộng</b>	<b>27.243.506.785</b>	<b>23.184.083.451</b>	<b>23.059.629.476</b>	<b>18.818.335.958</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.442.859.909	-	5.024.186.925	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.096.857.990	-	817.937.940	-
Hàng hóa	1.557.392.922	-	594.685.988	-
<b>Cộng</b>	<b>8.097.110.821</b>	<b>-</b>	<b>6.436.810.853</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>966.027.464</b>	<b>427.659.247</b>
Các loại bảo hiểm máy móc, xe cộ	466.270.532	255.092.857
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	499.756.932	172.566.390
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.403.300.836</b>	<b>8.518.050.814</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, cầu tàu	5.996.672.727	8.132.742.640
Công cụ dụng cụ xuất dùng	406.628.109	385.308.174
<b>Cộng</b>	<b>7.369.328.300</b>	<b>8.945.710.061</b>



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng,  
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**MÃ SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Nguyên giá</b>										
Tại ngày 01/01/2017	545.052.853.926		23.572.272.121		327.180.865.949		5.251.983.139		901.057.975.135	
- Mua trong năm	-		-		11.101.941.522		-		11.101.941.522	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(156.684.825)		(180.475.197)		-		(337.160.022)	
Tại ngày 30/06/2017	545.052.853.926		23.415.587.296		338.102.332.274		5.251.983.139		911.822.756.635	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Tại ngày 01/01/2017	441.987.834.998		7.902.704.435		226.670.971.893		2.228.616.400		678.790.127.726	
- Khấu hao trong năm	16.341.880.742		1.268.673.463		12.411.900.052		634.477.468		30.656.931.725	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(78.342.408)		(33.839.100)		-		(112.181.508)	
Tại ngày 30/06/2017	458.329.715.740		9.093.035.490		239.049.032.845		2.863.093.868		709.334.877.943	
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày 01/01/2017	103.065.018.928		15.669.567.686		100.509.894.056		3.023.366.739		222.267.847.409	
Tại ngày 30/06/2017	86.723.138.186		14.322.551.806		99.053.299.429		2.388.889.271		202.487.878.692	

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2017 là 112.610.789.821 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 105.274.487.808 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	5.743.062.311	5.743.062.311
Tại ngày 30/06/2017	5.743.062.311	5.743.062.311
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2017	3.482.983.878	3.482.983.878
- Khấu hao trong năm	452.985.675	452.985.675
Tại ngày 30/06/2017	3.935.969.553	3.935.969.553
Giá trị còn lại		-
Tại ngày 01/01/2017	2.260.078.433	2.260.078.433
Tại ngày 30/06/2017	1.807.092.758	1.807.092.758

**14. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Mua sắm	1.300.016.364	99.366.364
Xây dựng cơ bản	3.272.764.546	307.079.091
Trong đó		
- Khối lượng xây lắp CT: Bãi bê tông số 06	2.965.685.455	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	756.170.909	751.170.909
Cộng	5.328.951.819	1.157.616.364

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào Công ty liên kết	7.608.000.000	-	7.608.000.000	7.608.000.000	-	7.608.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải (i)	7.608.000.000	-	7.608.000.000	7.608.000.000	-	7.608.000.000
b) Đầu tư dài hạn khác	19.467.920.000	-	19.467.920.000	19.467.920.000	-	19.467.920.000
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	1.467.920.000	-	1.467.920.000	1.467.920.000	-	1.467.920.000
Cộng	27.075.920.000	-	27.075.920.000	27.075.920.000	-	27.075.920.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	Bình Định	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghiệp hàng hải
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Bình Định	16,68%	16,68%	Kinh doanh xếp dỡ kho bãi, vận chuyển đường biển
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Hà Nội	0,02%	0,02%	Ngân hàng, tài chính

Theo Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng Hải, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/06/2017 là 2.945.647.475 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>15.788.083.848</b>	<b>15.788.083.848</b>	<b>10.004.490.897</b>	<b>10.004.490.897</b>
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	6.726.108.590	6.726.108.590	2.295.824.080	2.295.824.080
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	4.862.000.000	4.862.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	3.144.683.850	3.144.683.850	1.286.558.900	1.286.558.900
Đối tượng khác	1.055.291.408	1.055.291.408	3.650.107.917	3.650.107.917
<b>b) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>8.006.683.850</b>	<b>8.006.683.850</b>	<b>4.058.558.900</b>	<b>4.058.558.900</b>
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	4.862.000.000	4.862.000.000	2.772.000.000	2.772.000.000
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	3.144.683.850	3.144.683.850	1.286.558.900	1.286.558.900

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.020.367.795	9.676.331.648	8.602.184.931	2.094.514.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.080.259.951	10.205.047.670	7.680.259.951	7.605.047.670
Thuế thu nhập cá nhân	48.466.416	544.749.020	552.557.510	40.657.926
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.966.396.406	3.966.100.492	295.914
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.149.094.162</b>	<b>24.397.524.744</b>	<b>20.806.102.884</b>	<b>9.740.516.022</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí vận chuyển	25.086.315.470	10.880.359.993
Chi phí phải trả khác	848.199.500	376.781.837
<b>Cộng</b>	<b>25.934.514.970</b>	<b>11.257.141.830</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	70.362.600	71.537.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	42.933.874.898	22.079.998
- Phải trả cán bộ nhân viên	201.020.800	201.020.800
- Thuế TNCN	311.585.800	408.095.403
<b>Trong đó, phải trả bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần khoáng sản Hợp Thành -Cổ tức	37.006.649.532	-
<b>Cộng</b>	<b>43.516.844.098</b>	<b>702.733.601</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LNST chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	404.099.500.000	4.525.265.662	82.785.648.941	121.962.887.964
Lãi trong năm	-	-	66.523.166.139	66.523.166.139
Phân phối lợi nhuận	-	-	(52.355.171.686)	(52.355.171.686)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>4.525.265.662</b>	<b>96.953.643.394</b>	<b>505.578.409.056</b>
Lãi trong năm nay	-	-	43.340.401.749	43.340.401.749
Chia cổ tức năm 2016 (i)	-	-	(42.915.366.900)	(42.915.366.900)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	48.709.728.552	(48.709.728.552)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(5.328.547.942)	(5.328.547.942)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2017</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>53.234.994.214</b>	<b>43.340.401.749</b>	<b>500.674.895.963</b>

**Ghi chú:** (i) Chia cổ tức, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017. Trong kỳ, Công ty đã thanh toán tiền chia cổ tức là 3.572.000 đồng.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	348.461.860.000	348.461.860.000
Vốn góp của các đối tượng khác	55.637.640.000	55.637.640.000
<b>Cộng</b>	<b>404.099.500.000</b>	<b>404.099.500.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	404.099.500.000	404.099.500.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	404.099.500.000	404.099.500.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>42.915.366.900</b>	<b>52.355.171.686</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển	53.234.994.214	4.525.265.662
-------------------------	----------------	---------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	1.516	1.175

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào dịch vụ khai thác cảng biển. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

***Bộ phận theo khu vực địa lý***

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
<b><i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b>		
Doanh thu bán sản phẩm	32.621.836.656	17.337.097.129
Doanh thu cung cấp dịch vụ	269.091.609.186	219.278.871.717
	<b>301.713.445.842</b>	<b>236.615.968.846</b>
<b><i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i></b>	<b>843.789.402</b>	<b>99.102.183</b>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	127.556.986	99.102.183
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	716.232.416	-
<b><i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i></b>	<b>122.131.442</b>	<b>832.000.309</b>
Trong đó: Hàng bán bị trả lại	122.131.442	832.000.309
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>301.591.314.400</b>	<b>235.783.968.537</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.523.916.369	15.024.348.929
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	193.665.870.794	156.889.556.450
<b>Cộng</b>	<b>223.189.787.163</b>	<b>171.913.905.379</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.933.456.272	7.448.223.634
Chi phí nhân công	68.429.349.836	64.358.297.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.112.167.400	32.114.152.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.666.422.183	71.156.431.835
Chi phí sản xuất kinh doanh khác	3.971.396.406	8.407.995.377
Chi phí dự phòng	(181.870.184)	-
<b>Cộng</b>	<b>223.930.921.913</b>	<b>183.485.100.479</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.436.395.044	551.643.333
Lãi chênh lệch tỷ giá	(493.093.526)	633.881.704
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.813.400.000	3.291.060.648
<b>Cộng</b>	<b>4.756.701.518</b>	<b>4.476.585.685</b>

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	5.233.693	150.808.952
Chi phí quản lý đầu tư	250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>255.233.693</b>	<b>150.808.952</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	10.897.545.880	11.295.244.243
Chi phí vật liệu quản lý	147.557.134	5.219.998
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.718.471.913	2.932.892.894
Thuế, phí và lệ phí	3.971.396.406	3.893.902.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.021.099.013	6.241.621.167
Chi phí dự phòng	(181.870.184)	1.204.052.693
Các khoản chi phí QLDN khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.574.200.162</b>	<b>25.572.933.284</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	5.206.006.782	4.304.375.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.205.924.125	2.483.822.075
<b>Cộng</b>	<b>7.411.930.907</b>	<b>6.788.197.741</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>53.545.449.419</b>	<b>37.802.575.861</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.520.211.071)	(3.087.156.605)
<i>Trừ: Thu nhập từ cổ tức lợi nhuận được chia</i>	(2.813.400.000)	(3.291.060.648)
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	293.188.929	203.904.043
Thu nhập chịu thuế	51.025.238.348	34.715.419.256
Chuyển lỗ từ các năm trước	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>51.025.238.348</b>	<b>34.715.419.256</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.205.047.670</b>	<b>6.943.083.851</b>

Ngoại trừ khoản chi phí không được trừ là 293.188.929 đồng, Công ty đang tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở không có chênh lệch giữa các khoản chi phí kế toán và chi phí tính thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty sẽ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>43.340.401.749</b>	<b>30.859.492.010</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.340.401.749	30.859.492.010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	40.409.950	40.409.950
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.073</b>	<b>764</b>

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017. Số khen thưởng phúc lợi được chia 2016 sẽ được loại trừ khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả năm 2016. Công ty chưa thực hiện loại trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ 6 tháng năm 2016.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Tại ngày 30/06/2017 hệ số đòn bẩy tài chính như sau:

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(143.928.879.077)	(102.121.165.445)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	500.674.895.963	505.578.409.056
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.928.879.077	102.121.165.445	143.928.879.077	102.121.165.445
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.242.176.591	79.703.490.881	113.242.176.591	79.703.490.881
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103.000.000.000	100.000.000.000	103.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	19.467.920.000	19.467.920.000	19.467.920.000	19.467.920.000
Các khoản ký quỹ	42.700.000	168.000.000	42.700.000	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>379.681.675.668</b>	<b>301.460.576.326</b>	<b>379.681.675.668</b>	<b>301.460.576.326</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	59.304.927.946	10.707.224.498	59.304.927.946	10.707.224.498
Chi phí phải trả	25.934.514.970	11.257.141.830	25.934.514.970	11.257.141.830
<b>Cộng</b>	<b>85.239.442.916</b>	<b>21.964.366.328</b>	<b>85.239.442.916</b>	<b>21.964.366.328</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.928.879.077	-	143.928.879.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.242.176.591	-	113.242.176.591
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103.000.000.000	-	103.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	19.467.920.000	19.467.920.000
Các khoản ký quỹ	-	42.700.000	42.700.000
<b>Cộng</b>	<b>360.171.055.668</b>	<b>19.510.620.000</b>	<b>379.681.675.668</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	59.304.927.946	-	59.304.927.946
Chi phí phải trả	25.934.514.970	-	25.934.514.970
<b>Cộng</b>	<b>85.239.442.916</b>	<b>-</b>	<b>85.239.442.916</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>274.931.612.752</b>	<b>19.510.620.000</b>	<b>294.442.232.752</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.121.165.445	-	102.121.165.445
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.703.490.881	-	79.703.490.881
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	19.467.920.000	19.467.920.000
Các khoản ký quỹ	-	168.000.000	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>281.824.656.326</b>	<b>19.635.920.000</b>	<b>301.460.576.326</b>
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.707.224.498	-	10.707.224.498
Chi phí phải trả	11.257.141.830	-	11.257.141.830
<b>Cộng</b>	<b>21.964.366.328</b>	<b>-</b>	<b>21.964.366.328</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>259.860.289.998</b>	<b>19.635.920.000</b>	<b>279.496.209.998</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ Phần Tân Cảng Quy Nhơn	Cùng Ban lãnh đạo
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	Cùng Ban lãnh đạo
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty	Ban lãnh đạo

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số 7, 8, 16, 19 và 21 thì còn có các giao dịch như sau với bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u>
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công Ty Cổ Phần Tân Cảng Quy Nhơn	11.250.909.091	15.105.053.332
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	18.375.471.412	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương Ban giám đốc	1.976.321.905	2.532.174.657
Thù lao HĐQT	156.000.000	164.759.904
Cộng	<u>2.132.321.905</u>	<u>2.696.934.561</u>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

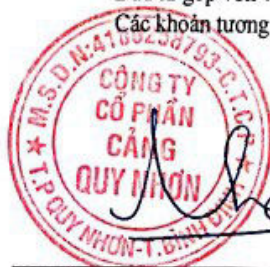
**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 42.915.366.900 đồng, là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ năm trước (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016) đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Công ty phân loại lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2016 Đã kiểm toán	01/01/2017 trình bày lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	69.000.000.000	100.000.000.000	31.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	7.608.000.000	7.608.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	127.075.920.000	19.467.920.000	(107.608.000.000)
Các khoản tương đương tiền	112	18.000.000.000	87.000.000.000	69.000.000.000



**Lê Hồng Thái**  
Tổng Giám đốc  
TP. Quy Nhơn, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Nguyễn Kim Toàn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Phương Anh**  
Người lập